

Số: 61/QĐ- THCS

Tuần Giáo, ngày 12 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUÀI NƯA

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ- UBND ngày 04/06/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách năm 2026 của trường THCS Quài Nưa.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị từ ngày 12/06/2026 đến 12/07/2026 và công bố tại cuộc họp toàn thể viên chức, người lao động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG


Vũ Thị Thu Phương

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG 2026

Kèm theo Quyết định số 61/QĐ- THCS, ngày 12/06/2026 của trường THCS Quài Nưa)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	0
	Lệ phí...	0
	Lệ phí...	0
2	Phí	0
	Phí...	0
	Phí...	0
3	Thu SXKD, dịch vụ	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
3	Chi SXKD, dịch vụ	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Lệ phí	0
	Lệ phí...	0
	Lệ phí...	0
2	Phí	0
	Phí...	0
	Phí...	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.000.000
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	10.000.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.000.000
	Quyết định số DT04 ngày 15/06/2026	10.000.000
	- Mục: 7750 Chi khác	10.000.000
	7799: DT kinh phí tiết kiệm theo NQ số 135 theo QĐ giao DT số 492/QĐ-UBND ngày 04/06/2026	10.000.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	0
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
12	Chi sự nghiệp An ninh	0
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0

1	Chỉ quản lý hành chính		0
1.1	Dự án A		0
1.2	Dự án B		0
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		0
2.1	Dự án A		0
2.2	Dự án B		0
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo		0
3.1	Dự án A		0
3.2	Dự án B		0
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		0
4.1	Dự án A		0
4.2	Dự án B		0
5	Chỉ đảm bảo xã hội		0
5.1	Dự án A		0
5.2	Dự án B		0
6	Chỉ hoạt động kinh tế		0
6.1	Dự án A		0
6.2	Dự án B		0
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường		0
7.1	Dự án A		0
7.2	Dự án B		0
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin		0
8.1	Dự án A		0
8.2	Dự án B		0
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		0
9.1	Dự án A		0
9.2	Dự án B		0
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao		0
10.1	Dự án A		0
10.2	Dự án B		0
II	Nguồn vay nợ nước ngoài		0
1	Chỉ quản lý hành chính		0
1.1	Dự án A		0
1.2	Dự án B		0
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		0
2.1	Dự án A		0
2.2	Dự án B		0
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo		0
3.1	Dự án A		0
3.2	Dự án B		0
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		0
4.1	Dự án A		0

4.2	Dự án B	0
5	Chỉ đảm bảo xã hội	0
5.1	Dự án A	0
5.2	Dự án B	0
6	Chỉ hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0
11	Chỉ sự nghiệp Quốc phòng	0
11.1	Dự án A	0
11.2	Dự án B	0
12	Chỉ sự nghiệp An ninh	0
12.1	Dự án A	0
12.2	Dự án B	0